

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THĂNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/KDTM-ST**.

Ngày: 19-5-2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thảo.

2. Ông Nguyễn Công Phúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Trương Hồng Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-KDTM ngày 09/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 14/TB-TA ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH TM & DV vận tải A;

Trụ sở tại: B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Dương Đình B, sinh năm: 1961 – Giám đốc. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH 01 thành viên xây dựng C;

Trụ sở tại: Xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Trung M – Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn – ông Dương Đình B trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ vận tải A (Công ty A) chuyên kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, xây dựng các công trình dân

dụng, giao thông, thủy lợi và dịch vụ vật tải hàng hóa. Trong quá trình kinh doanh, Công ty có ký hợp đồng mua bán số 09/16/HĐMB ngày 01/01/2016 với Công ty trách nhiệm hữu hạn 01 thành viên xây dựng C (Công ty C); theo đó Công ty C đã nhiều lần mua xi măng, sắt thép, đá,.. của Công ty A và thanh toán tiền bằng hình thức chuyển khoản. Đến ngày 29/4/2018, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận Công ty C nợ lại Công ty A số tiền 669.257.000 đồng. Sau đó, từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2018, Công ty A tiếp tục xuất kho cung cấp xi măng, sắt thép với tổng số tiền là 229.696.000 đồng và từ ngày 14/6/2018 đến ngày 16/5/2019, Công ty C đã chuyển trả nợ cho Công ty A tổng số tiền là 750.000.000 đồng. Tính đến ngày 16/5/2019, Công ty C còn nợ lại Công ty A số tiền là 148.954.000 đồng; mặc dù Công ty A đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả số nợ trên nhưng đại diện Công ty C luôn trốn tránh, không hợp tác. Vì vậy, Công ty A yêu cầu Công ty C phải trả số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tính đến ngày 09/11/2021 là 241.055.622 đồng. Tại phiên tòa, Công ty A yêu cầu Công ty C phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán đã ký kết tính từ ngày 05/5/2018 đến ngày 09/11/2021 là 0,03% ngày, với tổng số tiền là: 236.965.581 (trong đó, nợ gốc 148.954.000 đồng, nợ lãi 88.011.581 đồng). Tuy nhiên, Công ty A chỉ yêu cầu trả 220.000.000 đồng và sau khi xét xử sơ thẩm nếu Công ty C không trả số tiền trên thì yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất đã thỏa thuận 0,03%/ngày cho đến khi Công ty C thanh toán hết nợ.

Đối với bị đơn - Công ty TNHH 01TVXD C: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH 01TVXD C phải trả cho Công ty A số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/11/2021 là 220.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn – Công ty TNHH & DV vận tải A khởi kiện yêu cầu bị đơn - Công ty TNHH 01 thành viên xây dựng C phải trả tiền mua bán hàng hóa còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại xã B, huyện Thăng

Bình, tỉnh Quảng Nam; căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ do đại diện nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 01/01/2016, giữa Công ty A và Công ty C có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/2016/HĐMB. Trong quá trình giao dịch đến ngày 29/4/2018, các bên tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận Công ty C còn nợ Công ty A số tiền là 669.257.000 đồng; thời hạn thanh toán là sau ngày 29/4/2018 nếu Công ty C không chuyển trả số nợ trên thì phải chịu lãi suất 0,03% ngày, nhưng không qua 30 ngày trễ hạn. Sau đó, từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2018, các bên vẫn tiếp tục giao dịch mua bán và nợ phát sinh là 229.696.000 đồng. Trong thời gian từ ngày 14/6/2018 đến ngày 16/5/2019, Công ty C đã chuyển trả cho Công ty A số tiền tổng cộng là 750.000.000 đồng. Do đó, Công ty A yêu cầu Công ty C phải trả số tiền còn nợ là 148.954.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Trong quá trình khởi kiện, Công ty A yêu cầu Công ty C phải trả lãi theo hợp đồng mua bán đã thỏa thuận, tính từ ngày 29/4/2018 đến ngày 16/5/2019 là 0,03% ngày và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn trên nợ gốc của số tiền 148.954.000 đồng từ ngày 17/5/2019 đến ngày khởi kiện ngày 09/11/2021 với tổng số tiền lãi là: 92.101.622 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo hợp đồng mua bán đã ký kết giữa các bên từ ngày 05/5/2018 đến ngày 09/11/2021 với tổng số tiền lãi là 88.011.581 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Công ty A có quyền yêu cầu Công ty C thanh toán lãi chậm trả. Hợp đồng mua bán giữa hai bên có quy định lãi suất chậm trả là 0,03%/01 ngày trên số tiền nợ. Lãi suất này không vi phạm quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Do đó, số tiền lãi được xác định cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc từ thời điểm ngày 29/4/2018 là 669.257.000 đồng, theo Điều 4 của Hợp đồng mua bán hàng hóa thì phía Công ty C phải thanh toán trong vòng 05 ngày, sau 05 ngày tính lãi 0,03%. Như vậy, số tiền nợ này được tính lãi kể từ ngày 05/5/2018. Đến ngày 14/6/2018, Công ty C chuyển trả 100.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền lãi trong thời gian này được xác định: $669.257.000 \times 0,03\% \times 40 \text{ ngày} = 8.031.084 \text{ đồng}$.

- Số tiền nợ còn lại từ 14/6/2018 là 569.257.000. Đến ngày 06/7/2018, Công ty C chuyển trả 200.000 đồng. Số tiền lãi trong thời gian này được xác định: $569.257.000 \times 0,03\% \times 22 \text{ ngày} = 3.757.096 \text{ đồng}$.

- Số tiền nợ còn lại từ ngày 06/7/2018 là 369.257.000 đồng. Đến ngày 02/8/2018, Công ty C chuyển trả 100.000.000 đồng. Số tiền lãi trong thời gian này được xác định: $369.257.000 \times 0,03\% \times 27 \text{ ngày} = 2.990.981 \text{ đồng}$.

- Số tiền nợ còn lại từ ngày 02/8/2018 là 269.257.000 đồng. Tính đến ngày 31/8/2018 thì số tiền lãi được xác định: $269.257.000 \times 0,03\% \times 30 \text{ ngày} = 2.423.313 \text{ đồng}$.

- Số tiền nợ còn lại từ ngày 01/9/2018 là 269.257.000 đồng cộng với số tiền nợ phát sinh từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2018 là 229.697.000 đồng, tổng nợ kể từ 01/9/2018 là 498.954.000 đồng. Đến ngày 29/12/2018, Công ty C chuyển trả 200.000 đồng. Số tiền lãi trong thời gian này được xác định: $498.954.000 \times 0,03 \times 119 \text{ ngày} = 17.812.657 \text{ đồng}$.

- Số tiền nợ còn lại từ ngày 29/12/2018 là 298.954.000 đồng. Đến ngày 16/5/2019, Công ty C chuyển trả 150.000 đồng. Số tiền lãi trong thời gian này được xác định: $298.954.000 \times 0,03\% \times 138 \text{ ngày} = 12.376.695 \text{ đồng}$.

- Số tiền nợ còn lại từ ngày 16/5/2019 là 148.954.000 đồng, số tiền lãi tính đến thời điểm khởi kiện 09/11/2021 là $148.954.000 \times 0,03\% \times 909 \text{ ngày} = 40.619.755 \text{ đồng}$.

Như vậy, yêu cầu tính lãi của Công ty A là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 09/11/2021 là 220.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận sau khi xét xử sơ thẩm.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30 và Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TM & DV vận tải A.

1. Buộc Công ty TNHH 01 thành viên xây dựng C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH TM& DV vận tải A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/11/2021 là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận 0,03%/ngày cho đến khi trả hết khoản nợ trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc Công ty TNHH 01 thành viên xây dựng C phải chịu 11.000.000 (*Mười một triệu*) đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH TM & DV vận tải A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005620 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thế

